

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRƯỜNG KINH TẾ



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Theo thông tư 18/2021/TT-BGD&ĐT ngày 28/06/2021)

Trình độ đào tạo :	TIẾN SĨ
Ngành đào tạo :	KẾ TOÁN
Tên ngành (Tiếng Anh):	ACCOUNTING
Mã ngành:	934.03.01



Đà Nẵng – 12/2021

(3) Có khả năng giảng dạy và hướng dẫn NCKH và hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực Kế toán, kiểm toán, phân tích;

(4) Có khả năng viết và công bố các công trình NCKH trong lĩnh vực Kế toán, kiểm toán, phân tích.

1.2. Chuẩn đầu ra:

a) Kiến thức

TT	Mã CDR	Tên chuẩn đầu ra về kiến thức
1	CLO1	Nắm vững về phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu dành cho nhà nghiên cứu chuyên nghiệp trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán và liên ngành kinh tế;
2	CLO2	Có kiến thức chuyên sâu về các lý thuyết kế toán - kiểm toán hiện đại và các tư duy mới trong kinh doanh; vận dụng sáng tạo các kiến thức này vào công tác nghiên cứu;
3	CLO3	Suy luận và mở rộng, sáng tạo các kiến thức chuyên sâu nhất định trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán

b. Kỹ năng

TT	Mã CDR	Tên chuẩn đầu ra về kỹ năng
1	CLO4	Có kỹ năng tư duy, phân tích các vấn đề khoa học và đưa ra các hướng xử lý khoa học trong lĩnh vực chuyên môn của mình;
2	CLO5	Có thể làm việc độc lập, sáng tạo và năng lực tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học và thực tiễn của mình;
3	CLO6	Có kỹ năng trình bày, thuyết phục, bảo vệ luận điểm của mình trong các vấn đề khoa học thuộc lĩnh vực chuyên môn
4	CLO7	Có kỹ năng sử dụng các công cụ phục vụ nghiên cứu trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán; Viết, công bố các bài báo và các công trình khoa học.

c) Thái độ, mức tự chủ và trách nhiệm

TT	Mã CDR	Tên chuẩn đầu ra về thái độ và trách nhiệm
1	CLO8	Có tính trung thực, tự tin, trách nhiệm trong nghiên cứu và các công việc chuyên môn liên quan đến kế toán - kiểm toán;

2	CLO9	Có trách nhiệm xã hội với các hoạt động của cộng đồng;
3	CLO10	Có khả năng tự chủ, độc lập và sáng tạo trong nghiên cứu

1.3. Cơ hội việc làm:

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo Tiến sĩ, người học có thể làm việc tại :

- Các tổ chức nghiên cứu: Nghiên cứu sau Tiến sĩ (PostDoc); Thành viên nhóm nghiên cứu tiên tiến; Trưởng nhóm nghiên cứu; Lãnh đạo nhóm nghiên cứu; Lãnh đạo tổ chức;
- Trường đại học: Trợ lý giáo sư; Phó Giáo sư; Giáo sư; Lãnh đạo nhóm nghiên cứu; Giảng viên;
- Tổ chức quản lý nhà nước, doanh nghiệp: các vị trí lãnh đạo, hoạch định chiến lược tài chính, kế toán, thuế và hoạt động cho các tổ chức các phòng ban trong các doanh nghiệp, các cơ quan quản lý nhà nước, các công ty kiểm toán...;

2. Thời gian đào tạo:

Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ (kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh) là 3 năm học đối với người có bằng thạc sĩ và 4 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp đại học (chưa có bằng thạc sĩ).

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 105 tín chỉ (không kể phần học bổ sung kiến thức)

4. Đối tượng tuyển sinh:

- Cử nhân tốt nghiệp loại Giỏi trở lên cùng chuyên ngành đào tạo Tiến sĩ.
- Thạc sĩ cùng/gần chuyên ngành đào tạo Tiến sĩ.

Quy định chi tiết theo đề án tuyển sinh riêng về trình độ Tiến sĩ hàng năm và Quy chế về đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Duy Tân.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

5.1. Quy trình đào tạo:

Thực hiện theo nội dung của Quy chế về đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Duy Tân.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp:

Thực hiện theo nội dung của Quy chế về đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Duy Tân.

6. Thang điểm:

Theo thang điểm 10 (Theo quy chế đào tạo tín chỉ và quy định rõ trong Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Duy Tân).

7. Cấu trúc chương trình:

- Các học phần bổ sung kiến thức:

- + Đối với NCS chỉ có bằng Đại học học thẳng lên Tiến sĩ : 52 tín chỉ.
- + Đối với NCS có bằng Thạc sĩ thuộc khối ngành Kinh tế, Kinh doanh và quản lý gắn với QTKD : 12 tín chỉ.
- + Đối với NCS có bằng Thạc sĩ thuộc khối ngành nằm ngoài Kinh tế, Kinh doanh và quản lý nhưng có chuyên môn làm việc gắn với Kế toán, kiểm toán: 15 tín chỉ.
- + Đối với NCS có bằng Thạc sĩ đúng ngành Kế toán, kiểm toán nhưng trong CTĐT không có môn Kinh tế lượng, Phân tích dữ liệu hoặc thống kê: 3 tín chỉ.

- Các học phần ở trình độ Tiến sĩ (17 tín chỉ)

- + Các học phần cơ sở : 11 tín chỉ
- + Các học phần nâng cao : 6 tín chỉ

- Thực hiện luận án (88 tín chỉ)

- + Đề tài luận án : 2 tín chỉ
- + Tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ : 12 tín chỉ
- + Báo cáo luận án cấp cơ sở : 2 tín chỉ
- + Công bố khoa học : 2 tín chỉ
- + Bảo vệ luận án cấp trường : 70 tín chỉ

8. Nội dung chương trình đào tạo:

8.1. Các học phần bổ sung kiến thức:

TT	Mã Môn		Tên Môn học	Số Tín Chỉ	LT	TH	Ghi chú
	Mã (chuyên Ngành)	Số Hiệu Môn					
			Bắt buộc	12			
1	ACC	602	Kế toán tài chính nâng cao	3	2	1	NCS có bằng ThS thuộc khối ngành Kinh tế, Kinh doanh và quản lý gắn với Kế toán, kiểm toán
2	ACC	601	Kế toán quản trị	3	2	1	
3	AUD	602	Kiểm toán tài chính	3	2	1	
4	AUD	655	Kiểm soát nội bộ	3	2	1	
			Bắt buộc	15			
1	ECO	651	Kinh tế lượng	3	2	1	NCS có bằng ThS đúng ngành Kế toán và kiểm toán nhưng trong

TT	Mã Môn		Tên Môn học	Số Tín Chỉ	LT	TH	Ghi chú
	Mã (chuyên) Ngành	Số Hiệu Môn					
							CTĐT không có môn Kinh tế lượng, Phân tích dữ liệu hoặc thống kê
			Bắt buộc	52			
			Các môn học như ThS Kế toán hệ NC không tính Luận văn				Đối với NCS chưa có bằng Thạc sĩ (học thặng Đại học lên)

8.2. Các học phần ở trình độ Tiến sĩ:

TT	Mã Môn		Tên Môn học	Số Tín Chỉ	LT	TH	Ghi chú
	Mã (chuyên) Ngành	Số Hiệu Môn					
			Bắt buộc	6			
1	PHI	612	Phương Pháp Nghiên Cứu Định Tính	3	2	1	
2	PHI	622	Phương Pháp Nghiên Cứu Định Lượng	3	2	1	
			Bắt buộc	5			
3	MKT	615	Các Lý Thuyết Nghiên Cứu Nền Tảng Trong Kinh Doanh & Quản Lý	3	2	1	
4	PHI	652	Các Kỹ Thuật và Công Cụ Cho Luận Án Tiến Sĩ	2	1	1	
			Tự chọn (2 học phần trong 6 học phần)	6			
			Chọn 1 trong 3	3			
5	ACC	702	Kế toán Tài Chính Doanh Nghiệp	3	2	1	
6	ACC	681	Kế toán tài chính công nâng cao	3	2	1	
7	ACC	701	Kế toán quản trị nâng cao	3	2	1	
			Chọn 1 trong 3	3			
8	AUD	701	Kiểm Toán Tài Chính Nâng Cao	3	2	1	
9	AUD	705	Kiểm Soát Nội Bộ Nâng Cao	3	2	1	
10	ACC	721	Phân tích Báo Cáo Tài Chính Nâng Cao	3	2	1	

8.3. Thực hiện luận án Tiến sĩ:

TT	Mã Môn		Tên Môn học	Số Tín Chỉ	LT	TH	Ghi chú
	Mã (chuyên) Ngành	Số Hiệu Môn					
			Bắt buộc	2			
11	ACC	710	Thuyết Minh Đề Tài Luận Án	2			
			Bắt buộc	3			
12	ACC	715	Tiểu Luận Tổng Quan	3			
			Bắt buộc	9			
13	ACC	761	Chuyên Đề Tiến Sĩ 1	3			

TT	Mã Môn		Tên Môn học	Số Tín Chỉ	LT	TH	Ghi chú
	Mã (chuyên) Ngành	Số Hiệu Môn					
14	ACC	762	Chuyên Đề Tiến Sĩ 2	3			
15	ACC	763	Chuyên Đề Tiến Sĩ 3	3			
			Bắt buộc	2			
16	ACC	815	Báo Cáo Luận Án Cấp Cơ Sở	2			
			Bắt buộc	2			
17	ACC	813	Các Công Bố Khoa Học Cho Luận Án	2			
			Bắt buộc	70			
18	ACC	849	Bảo Vệ Luận Án Tiến Sĩ	70	0	70	

9. Kế hoạch đào tạo:

TT	Mã Môn		Tên Môn học	Số Tín Chỉ	Năm 1	Năm 2	Năm 3
	Mã (chuyên) Ngành	Số Hiệu Môn					
I. CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG KIẾN THỨC					X		
II. CÁC HỌC PHẦN TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ							
			Bắt buộc	6			
1	PHI	612	Phương Pháp Nghiên Cứu Định Tính	3	X		
2	PHI	622	Phương Pháp Nghiên Cứu Định Lượng	3	X		
			Bắt buộc	5			
3	MKT	615	Các Lý Thuyết Nghiên Cứu Nền Tảng Trong Kinh Doanh & Quản Lý	3	X		
4	PHI	652	Các Kỹ Thuật và Công Cụ Cho Luận Án Tiến Sĩ	2	X		
			Tự chọn (2 học phần trong 6 học phần)	6			
			Chọn 1 trong 3	3			
5	ACC	702	Kế toán Tài Chính Doanh Nghiệp	3	X		
6	ACC	681	Kế toán tài chính công nâng cao	3	X		
7	ACC	701	Kế toán quản trị nâng cao	3	X		
			Chọn 1 trong 3	3			
8	AUD	701	Kiểm Toán Tài Chính Nâng Cao	3	X		
9	AUD	705	Kiểm Soát Nội Bộ Nâng Cao	3	X		
10	ACC	721	Phân tích Báo Cáo Tài Chính Nâng Cao	3	X		
			Bắt buộc	2			
11	ACC	710	Thuyết Minh Đề Tài Luận Án	2		X	
			Bắt buộc	3			
12	ACC	715	Tiểu Luận Tổng Quan	3		X	
			Bắt buộc	9		X	
13	ACC	761	Chuyên Đề Tiến Sĩ 1	3		X	
14	ACC	762	Chuyên Đề Tiến Sĩ 2	3		X	

TT	Mã Môn		Tên Môn học	Số Tín Chỉ	Năm 1	Năm 2	Năm 3
	Mã (chuyên) Ngành	Số Hiệu Môn					
15	MGT	763	Chuyên Đề Tiến Sĩ 3	3		X	
			Bắt buộc	2			
16	MGT	815	Báo Cáo Luận Án Cấp Cơ Sở	2			X
			Bắt buộc	2			
17	MGT	813	Các Công Bố Khoa Học Cho Luận Án	2			X
			Bắt buộc	70			
18	MGT	849	Bảo Vệ Luận Án Tiến Sĩ	70			X

10. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra và các học phần :

Chuẩn đầu ra	Các học phần trong CTĐT Tiến sĩ																	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	PHI 612	PHI 622	MGT 615	PHI 652	ACC 702	ACC 681	ACC 701	AUD 701	AUD 705	ACC 721	ACC 710	ACC 715	ACC 761	ACC 762	ACC 763	ACC 815	ACC 813	ACC 849
CLO1	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
CLO2			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
CLO3			X	X							X	X	X	X	X	X	X	X
CLO4	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
CLO5	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
CLO6	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
CLO7	X	X	X	X						X		X	X	X	X	X	X	X
CLO8	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
CLO9	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
CLO10	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

VÀ
ING
HOC
TÀI

11. Các chương trình đào tạo được tham khảo

TT	Tên chương trình – Trường	Địa chỉ website tham chiếu
1	Tiến sĩ Kế toán – Viện kế toán kiểm toán, Trường ĐH Kinh tế quốc dân Hà Nội	http://qldt.neu.edu.vn/TinTuc/Upload/files/Quy%20dinh%20tuyen%20sinh%20va%200dao%20tao%20tien%20si%20DHKTQD.pdf
2	Tiến sĩ Kế toán, Trường ĐH Thương mại	https://tmu.edu.vn/vi/news/Chuong-trinh-dao-tao-thac-si-tien-si/chuong-trinh-tien-si-2016-1215.html
3	Tiến sĩ Kế toán, Trường ĐH Kinh tế, ĐH Đà Nẵng	http://due.udn.vn/vi-vn/daotao/daotaogioithieu/cid/2725
4	PhD of Accounting, Stanford Graduate School of Business, Stanford University	https://www.gsb.stanford.edu/programs/phd/fields/accounting/requirements
5	PhD of Accounting, The Wharton School, The University of Pennsylvania	https://accounting.wharton.upenn.edu/programs/phd/course-descriptions/

12 - Hướng dẫn thực hiện chương trình :

- Chương trình được xây dựng trên cơ sở Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 06 năm 2021.

- Chương trình được tu chỉnh, bổ sung hàng năm cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, đáp ứng nhu cầu người học.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

HIỆU TRƯỞNG



TS. Lê Nguyên Bảo